

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2022.

*V/v Yêu cầu tuyên bố không công
nhận quan hệ là vợ chồng, tranh chấp về Nội con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Lát.

Bà Phạm Thị Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Phân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp về Nội con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2022 và Thông báo dời ngày xét xử số 03/2022/TB ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1984; (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà E, Khóm Đ R, Phường Y, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh S, sinh năm 1984; (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà Z Khóm V T, Phường Y, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/01/2022, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Vào năm 2003, chị Trần Thị N và anh Huỳnh S sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung với nhau chị Trần Thị N và anh Huỳnh S có 02 đứa con chung: Huỳnh Lý Q (nam) sinh ngày 12/8/2003 và Huỳnh Thái M (nam) sinh ngày 09/3/2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục

đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Trần Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ sống chung giữa chị Trần Thị N với anh Huỳnh S là vợ chồng.

- Về con chung: Đối với đứa con tên Huỳnh Thái M (nam) sinh ngày 09/3/2007 hiện đang sống chung với chị N, chị N xin được trực tiếp chăm sóc, Nôi dưỡng và không yêu cầu anh Huỳnh S phải cấp dưỡng Nôi con. Đối với đứa con tên Huỳnh Lý Q (nam) sinh ngày 12/08/2003 đã trưởng thành, nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị N trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Trần Thị N trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Huỳnh S:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Huỳnh S để tham gia phiên tòa nhưng anh Huỳnh S vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho anh Huỳnh S biết.

Tại phiên tòa Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn anh Huỳnh S chưa chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án tại các phiên họp và hòa giải. Đồng thời, bị đơn anh Huỳnh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Huỳnh S theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ sống chung giữa chị Trần Thị N và anh Huỳnh S là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thái M (nam) sinh ngày 09/3/2007 cho chị Trần Thị N được tiếp tục chăm sóc, Nôi dưỡng. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị N không yêu cầu anh Huỳnh S phải cấp dưỡng Nôi con. Riêng đối với đứa con tên Huỳnh Lý Q (nam) sinh ngày 12/08/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị N trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Chị Trần Thị N trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: “*Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp Nội con*” là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Huỳnh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Huỳnh S theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Huỳnh S được xác lập vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Huỳnh S là không hợp pháp. Do đó, căn cứ vào các Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa chị Trần Thị N và anh Huỳnh S là vợ chồng.

[2] Về con chung: Đối với cháu Huỳnh Thái M (nam) sinh ngày 09/3/2007 hiện nay do chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, Nội dưỡng. Xét thấy, Trần Thị N có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục cháu trong môi trường lành mạnh, đảm bảo sự phát triển của con tốt về thể chất cũng như tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Huỳnh Thái M (nam) sinh ngày 09/3/2007 cho chị Trần Thị N được tiếp tục chăm sóc, Nội dưỡng đến đủ 18 tuổi. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị N không yêu cầu anh Huỳnh S phải cấp dưỡng Nội con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với đứa con tên Huỳnh Lý Q (nam) sinh ngày 12/08/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị N trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị Trần Thị N trình bày không có và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy, ý kiến đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ sống chung giữa chị Trần Thị N và anh Huỳnh S là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thái M (nam) sinh ngày 09/3/2007 cho chị Trần Thị N được tiếp tục chăm sóc, Nôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị N không yêu cầu anh Huỳnh S phải cấp dưỡng Nôi con. Riêng đối với đứa con tên Huỳnh Lý Q (nam) sinh ngày 12/08/2003 đã trưởng thành, nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị N trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0002217 ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Chị Trần Thị N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với bị đơn, thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- VKSND TXVC;
- THADS TXVC;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường Y, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Phương